| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 2026/2026/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1721/2026/TLST-HNST ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc "Ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Thu H, sinh năm: 1992;

Số CCCD: 042xxxxxxxx;

Địa chỉ: Căn hộ X Tầng X, Tháp X, Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Y, Khu phố 13, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ liên hệ: Lữ đoàn X, Khu phố 9, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Thu H, sinh năm: 1992;

Số CCCD: 042xxxxxxxx;

Địa chỉ: Căn hộ X Tầng X, Tháp X, Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Y, Khu phố 13, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ liên hệ: Lữ đoàn X, Khu phố 9, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thu H và Ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2015, Quyển số 01/2015 ngày 19/5/2015 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận 2 (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh cấp chấm dứt kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Bà Dương Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T có 02 (hai) con chung tên là trẻ Nguyễn Mộc M, sinh ngày 17/11/2015 và trẻ Nguyễn Tiểu V, sinh ngày 30/8/2020. Bà Dương Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T thống nhất giao con chung là trẻ Nguyễn Mộc M, sinh ngày 17/11/2015 và trẻ Nguyễn Tiểu V, sinh ngày 30/8/2020 cho bà Dương Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ nêu trên; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Bà Dương Thị Thu H và Ông Nguyễn Văn T xác định không có.

2.4. Về nợ chung: Bà Dương Thị Thu H và Ông Nguyễn Văn T xác định không có.

3. Về án phí: Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi bên phải chịu án phí là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm

nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị Thu H tự nguyện chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Dương Thị Thu H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0002133 ký hiệu: BLTU/26E ngày 08/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho Bà Dương Thị Thu H 150.000 đồng (Một trăm năm mười nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV2-TPHCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Võ Thu Phương**